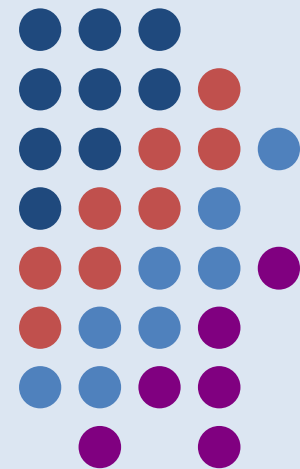


Bài 1: Định nghĩa NLCT và các yếu tố quyết định NLCT

Phát triển Vùng và Địa phương
MPP2019 – Học kỳ Xuân 2018

Nguyễn Xuân Thành



Năng lực cạnh tranh (competitiveness) là gì?

- Năng lực cạnh tranh (NLCT) là cách thức các nước tạo điều kiện tốt nhất về kinh tế, xã hội và môi trường cho phát triển kinh tế.
- Nó đo lường những gì hình thành nên sự phát triển này, những thứ như chính sách, thể chế và các yếu tố quyết định năng suất.
- Nói đơn giản, nó theo dõi những yếu tố quan trọng giúp một nền kinh tế có năng suất cao và so sánh thành quả của mỗi quốc gia với chuẩn mực quốc tế.

Nguồn gốc của sự thịnh vượng

Thịnh vượng được “thừa kế”

- Sự thịnh vượng đến từ nguồn tài nguyên thiên nhiên được thừa kế
- Sự thịnh vượng có hạn
- Vấn đề là chia bánh
- Chính phủ đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- Thu nhập từ tài nguyên gây ra tham nhũng và cho phép các chính sách tồi tồn tại

Thịnh vượng được “tạo ra”

- Sự thịnh vượng đến từ năng suất của hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ
- Sự thịnh vượng không giới hạn
- Vấn đề là làm cái bánh lớn lên
- Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- Vai trò của chính phủ là hỗ trợ và tạo điều kiện cải thiện năng suất và thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân

Năng lực cạnh tranh \equiv Năng suất

- **Năng lực cạnh tranh** quốc gia được đo lường bằng **năng suất** sử dụng lao động, vốn, và tài nguyên thiên nhiên
 - Năng suất quyết định **mức sống bền vững** (lương, lợi nhuận từ vốn và từ tài nguyên thiên nhiên)
 - **Cạnh tranh như thế nào** quan trọng hơn là cạnh tranh trong ngành nào
 - Năng suất của một nền kinh tế xuất phát từ sự phối hợp của **cả doanh nghiệp nội địa và nước ngoài**
 - **Năng suất của công nghiệp nội địa** chứ không chỉ của công nghiệp xuất khẩu đóng vai trò cơ bản đối với năng lực cạnh tranh
- Cửa cải và việc làm phụ thuộc vào **NLCT** doanh nghiệp
- Các quốc gia cạnh tranh với nhau trong việc tạo ra **môi trường có năng suất cao nhất** cho doanh nghiệp
- Khu vực công và tư có **vai trò khác nhau nhưng bổ sung** cho nhau trong việc tạo ra một nền kinh tế có năng suất

Giới thiệu môn học

- **Nội dung** của môn học là về năng lực cạnh tranh và kinh tế phát triển với cách tiếp cận vi mô từ dưới lên
- **Đối tượng** phân tích chủ yếu là các quốc gia, vùng, địa phương, và các cụm ngành
- **Phương pháp** dạy và học chính của môn học là nghiên cứu tình huống
- **Không phải** là môn kinh tế phát triển truyền thống với cách tiếp cận từ trên xuống (chính sách của chính phủ)
- **Không phải** là môn học về chiến lược của các công ty hay các tập đoàn đa quốc gia

Nội dung môn học

- **Phần 1:** Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh
- **Phần 2:** Địa điểm và cụm ngành
- **Phần 3:** Chiến lược phát triển kinh tế vùng và địa phương

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh



- Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô tạo ra tiềm năng để đạt mức năng suất cao, nhưng **chỉ riêng các yếu tố vĩ mô thì chưa đủ**
- Năng suất còn phụ thuộc vào **năng lực vi mô** của nền kinh tế và **mức độ tinh vi của cạnh tranh trong nước**

Năng lực cạnh tranh vĩ mô

Hạ tầng xã hội và Thể chế chính trị

- **Phát triển con người**
 - Giáo dục cơ bản
 - Hệ thống y tế
- **Thể chế chính trị**
 - Tự do chính trị
 - Tiếng nói và trách nhiệm giải trình
 - Ổn định chính trị
 - Hiệu lực của chính phủ
 - Phân cấp
- **Pháp quyền**
 - An ninh xã hội
 - Sự độc lập của tư pháp
 - Hiệu quả của khung pháp lý
 - Chi phí tham nhũng cho DN
 - Các quyền dân sự

Chính sách kinh tế vĩ mô

- **Chính sách tài khoá**
 - Thu, chi, thặng dư (thâm hụt) ngân sách
 - Nợ công (nợ chính phủ và nợ của doanh nghiệp nhà nước)
 - Nợ nước ngoài
- **Chính sách tiền tệ**
 - Cung tiền
 - Tín dụng
 - Lãi suất
 - Tỷ giá
 - Lạm phát
- **Chính sách cơ cấu**

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh



Độ tinh thông về hoạt động và chiến lược công ty

- Những kỹ năng, năng lực và thực tiễn quản lý **bên trong** doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp đạt được mức **năng suất** và trình độ **đổi mới sáng tạo** cao nhất có thể

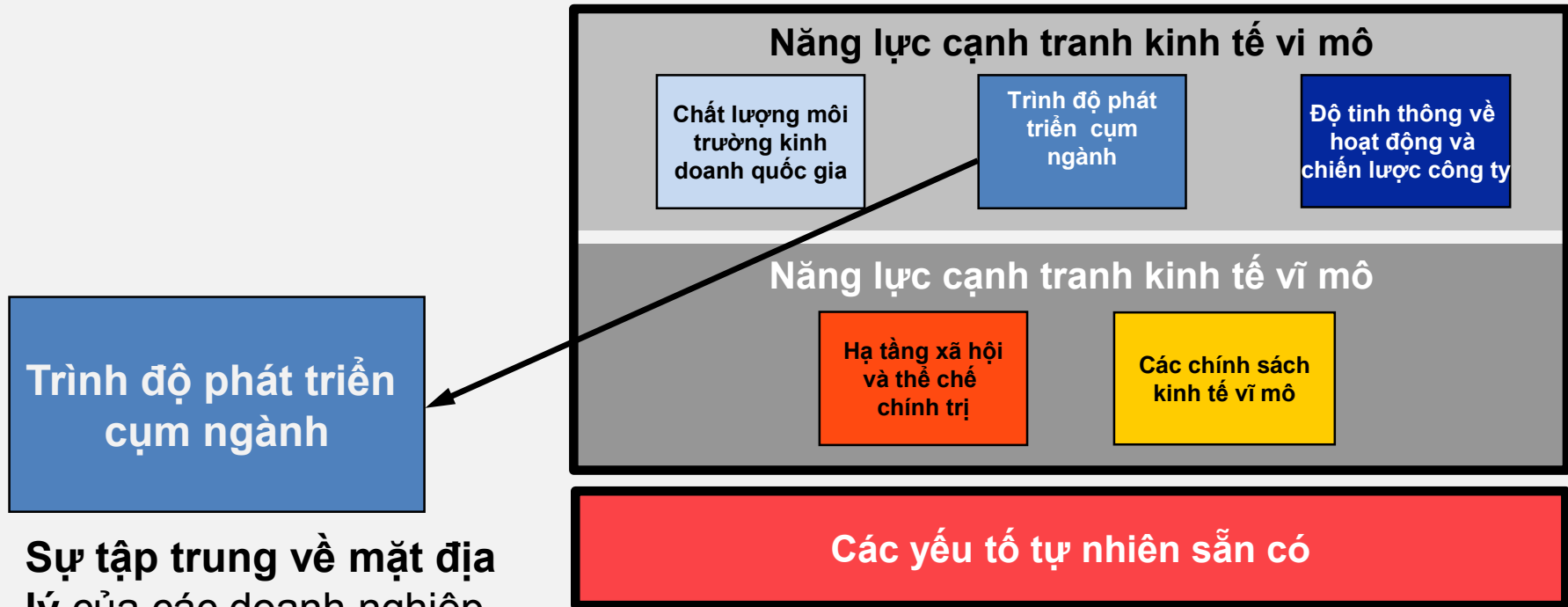
Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

- Các điều kiện của môi trường kinh doanh **bên ngoài** giúp doanh nghiệp đạt được mức **năng suất** và trình độ **đổi mới, sáng tạo** cao hơn



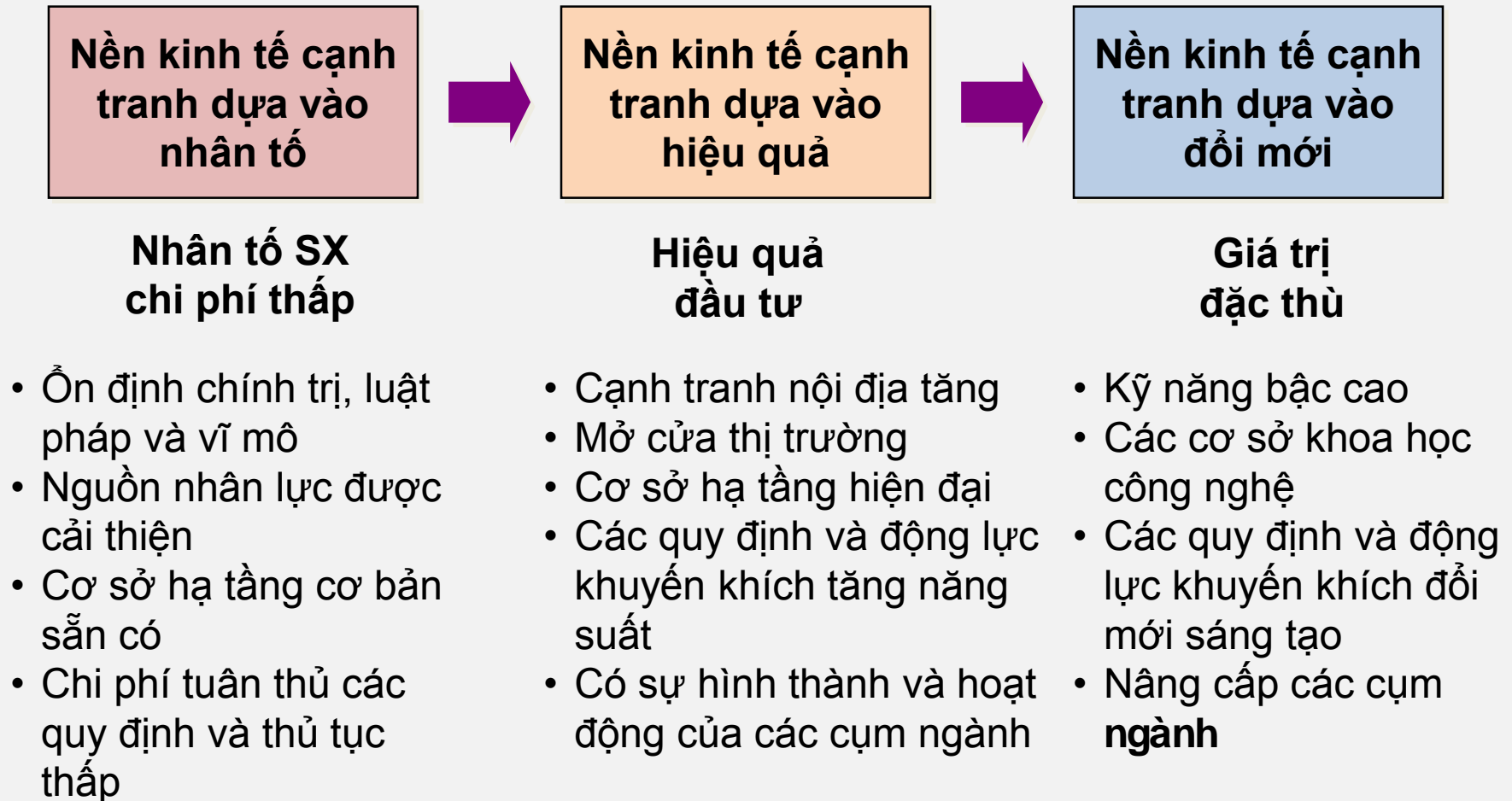
Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh



- **Sự tập trung về mặt địa lý** của các doanh nghiệp, các tài sản chuyên môn hoặc các tổ chức hoạt động trong những lĩnh vực nhất định.

Các giai đoạn phát triển kinh tế của quốc gia

Những ưu tiên chính sách khác nhau



Chuyển đổi kinh tế

Nền kinh tế cạnh tranh dựa vào nhân tố

- Thể chế
- Cơ sở hạ tầng
- Kinh tế vĩ mô
- Y tế và giáo dục cơ bản



Nền kinh tế cạnh tranh dựa vào hiệu quả

- Giáo dục đại học
- Thị trường hàng hóa
- Thị trường lao động
- Thị trường tài chính
- Sản sàng công nghệ
- Quy mô thị trường



Nền kinh tế cạnh tranh dựa vào đổi mới

- Trình độ kinh doanh của DN
- Đổi mới, sáng tạo

Chuyển dịch từ 1 sang 2

Cam-pu-chia
Ấn Độ
Lào

Philippines
Việt Nam

Chuyển dịch từ 2 sang 3

Trung Quốc
Indonesia
Thái Lan

Malaysia

Nhật Bản
Hàn Quốc
Singapore
Đài Loan

12 trụ cột của năng lực cạnh tranh

1. Thể chế

2. Cơ sở hạ tầng

3. Môi trường kinh tế vĩ mô

4. Y tế và giáo dục phổ thông

*Nền kinh tế dựa vào
yếu tố đầu vào*

5. Giáo dục và đào tạo đại học

6. Hiệu quả thị trường hàng hóa

7. Hiệu quả thị trường lao động

8. Phát triển thị trường tài chính

9. Sẵn sàng về công nghệ

10. Quy mô thị trường

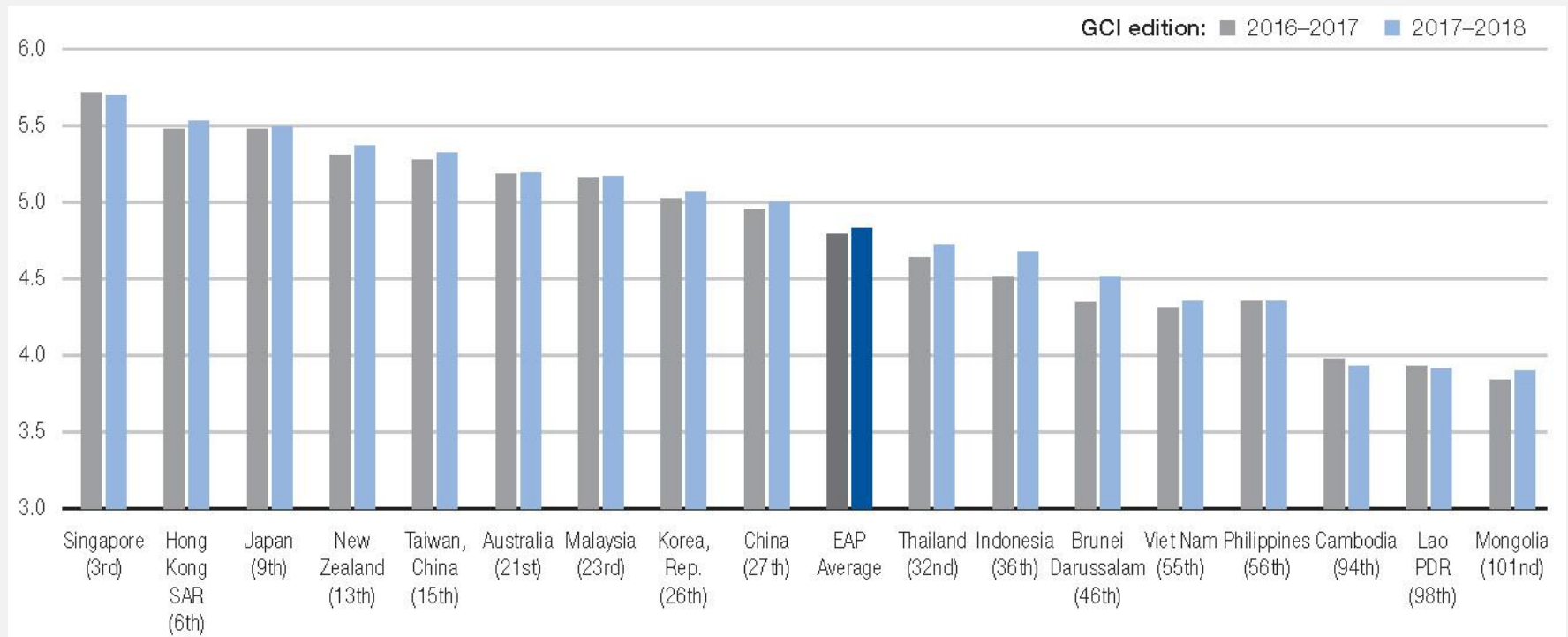
*Nền kinh tế dựa vào
hiệu quả*

11. Mức độ tinh vi của h/đ kinh doanh

12. Đổi mới sáng tạo

*Nền kinh tế dựa vào
đổi mới sáng tạo*

Xếp hạng NLCT quốc gia của WEF: Đ & ĐNÁ



Nguồn: World Economic Forum, Global Competitiveness Reports 2016-17 & 2017-2018

Xếp hạng NLCT quốc gia của WEF: Việt Nam

Edition	2012-13	2013-14	2014-15	2015-16	2016-17	2017-18
Rank	75 / 144	70 / 148	68 / 144	56 / 140	60 / 138	55 / 137
Score	4.1	4.2	4.2	4.3	4.3	4.4

